

TRƯỜNG ĐH KHXH&NV
KHOA NGỮ VĂN ANGA

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

Giảng viên phụ trách môn học

Họ và tên: Bùi Mỹ Hạnh	Học hàm, học vị: TS. GVC
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Q1, TPHCM	Điện thoại liên hệ: 0918589959
Email: hanhcras@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên:	Trực tiếp tại VP khoa, qua ĐT hay email
Nơi tiến hành môn học:	Cơ sở Đinh Tiên Hoàng
Thời gian học:	HKI, thứ Ba và thứ Năm, tiết 6-10

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: **VĂN PHONG HỌC VÀ TU TỪ**

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): **STYLISTICS/СТИЛИСТИКА**

И КУЛЬТУРА РЕЧИ

- Mã môn học: NVN058

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: sinh viên năm thứ 5

4. Phân bố thời gian: 30 tiết (*1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành*)

- Lý thuyết: 10 tiết
- Thực hành: 15 tiết
- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 5 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: SV đã học môn Ngữ âm học, Cấu tạo từ, Từ pháp học, Từ vựng học và Cú pháp học 1.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: SV đã có được các kỹ năng tiếng cơ bản.

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho người học:

- Khái niệm tiếng Nga văn học chuẩn mực và tiếng Nga ngoài chuẩn.
- Kiến thức về văn phong nói chung và các văn phong chức năng trong tiếng Nga hiện đại (văn phong khoa học, văn phong hành chính – kinh thương, văn phong báo chí, văn phong hội thoại).
- Các đặc điểm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của văn phong hội thoại Nga.
- Các tình huống điển hình cho từng loại văn phong, đặc biệt là văn phong hội thoại.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

7.1. Mục tiêu:

Cung cấp khái niệm về văn phong, tiếng Nga văn học chuẩn mực, cũng như kiến thức về các văn phong trong tiếng Nga hiện đại. Sau khóa học sinh viên có kiến thức rộng hơn về tiếng Nga chuẩn mực và nhận biết được tiếng Nga ngoài chuẩn; có kỹ năng phân biệt và sử dụng văn phong đúng cho tình huống cụ thể; hình thành ý thức sử dụng các phương tiện ngôn ngữ hiệu quả trong các lĩnh vực khác nhau.

7.2. Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

7.2.1. Kiến thức

- 1) Có kiến thức rộng hơn (*generalize – tổng quát hóa*) về tiếng Nga. (PLO11+ PLO13+PLO22 +PLO27)
- 2) Hiểu được kiến thức chuyên ngành (*understand – hiểu được*) về văn phong và nhận ra (*recognize – xác định*) văn phong của các loại văn bản tiếng Nga hiện đại. (PLO12+ PLO23+PLO27+ PLO33+PLO35)
- 3) Phát triển (*develop – phát triển*) vốn từ vựng, ngữ pháp tiếng Nga thuộc văn phong báo chí và hội thoại. (PLO12++ PLO13+PLO21+ PLO22+ PLO27+ PLO33+PLO36)

7.2.2. Kỹ năng

- 1) Đạt được kỹ năng tổng hợp lại, sắp xếp (*arrange – sắp xếp*) tài liệu (sử dụng Internet, thư viện...) hỗ trợ cho học tập và nghiên cứu, đặc biệt là sử dụng được (*use – sử dụng*) các loại từ điển và sách chỉ dẫn tiếng Nga chuẩn mực. (PLO23+PLO27+ PLO12+PLO33+ PLO35)
- 2) Phân tích (*analyze – phân tích*) được các hiện tượng ngôn ngữ trên quan điểm chuẩn mực phù hợp với lĩnh vực và môi trường giao tiếp. (PLO21+PLO22+ PLO25+ PLO31+PLO33+ PLO12)
- 3) Phát triển (*develop – phát triển*) kỹ năng làm việc cá nhân và kết hợp làm việc nhóm. (PLO24+PLO34+PLO35)

7.2.3. Thái độ

- 1) Có ý thức (*be aware – ý thức*) trong việc sử dụng ngữ liệu văn phong, có hiệu quả phù hợp với tình huống giao tiếp. (PLO31+PLO33+PLO12+ PLO13+ PLO22+ PLO25)
- 2) Có tinh thần tự học, cầu tiến, không ngừng trau dồi kiến thức (*study – học hỏi*). (PLO36+PLO12+PLO26)
- 3) Năng động vận dụng (*apply – vận dụng*) lý thuyết trong thực hành và sử dụng (*use – sử dụng*) kiến thức học được vào việc làm. (PLO35+ PLO36+PLO12+ PLO13+PLO24 +PLO27)

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
1	Có kiến thức rộng hơn (<i>generalize – tổng quát hóa</i>) về tiếng Nga. (PLO11+ PLO13+PLO22 +PLO27)	GV thuyết trình SV thực hành Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Kiểm tra giữa kỳ
2	Phát triển (<i>develop – phát triển</i>) vốn từ vựng, ngữ pháp tiếng Nga thuộc văn phong báo chí và hội thoại. (PLO12++ PLO13+PLO21+ PLO22+ PLO27+)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV thực hành	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm

	PLO33+PLO36)	Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kiểm tra giữa kỳ
3	Liên hệ (<i>relate – liên hệ</i>) và nhận biết được những tương đồng và khác biệt của đối chiếu (<i>distinguish – nhận ra</i>) từ vựng tiếng Nga và tiếng Việt. (PLO12+PLO13+PLO23+PLO24+ PLO31+PLO32)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV thực hành Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Ý kiến, hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ
4	Đạt được kỹ năng tổng hợp lại, sắp xếp (<i>arrange – sắp xếp</i>) tài liệu (sử dụng Internet, thư viện...) hỗ trợ cho học tập và nghiên cứu, đặc biệt là sử dụng được (<i>use – sử dụng</i>) các loại từ điển và sách chỉ dẫn tiếng Nga chuẩn mực. (PLO23+PLO27+ PLO12+PLO33+ PLO35)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV làm bài thực hành Hỏi đáp và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài thực hành Kiểm tra giữa kỳ
5	Phân tích (<i>analyze – phân tích</i>) được các hiện tượng ngôn ngữ trên quan điểm chuẩn mực phù hợp với lĩnh vực và môi trường giao tiếp. (PLO21+PLO22+ PLO25+ PLO31+PLO33+ PLO12)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV làm bài thực hành Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Thuyết trình nhóm Ý kiến, hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ
6	Phát triển (<i>develop – phát triển</i>) kỹ năng làm việc cá nhân và kết hợp làm việc nhóm. (PLO24+PLO34+PLO35)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà Thuyết trình nhóm Ý kiến, hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ
7	Có ý thức (<i>be aware – ý thức</i>) trong việc sử dụng ngữ liệu văn phong phù hợp, có hiệu quả với tình huống giao tiếp. (PLO31+PLO33+PLO12+ PLO13+ PLO22+ PLO25)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình SV làm bài thực hành Thuyết trình nhóm GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Kiểm tra giữa kỳ
8	Có ý thức tự học, cầu tiến, không ngừng trau dồi kiến thức (<i>study – học hỏi</i>). (PLO36+PLO12+PLO26)	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà GV thuyết trình Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Kỹ năng trình bày Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Ý kiến, hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ
9	Năng động vận dụng (<i>apply – vận dụng</i>) lý thuyết trong thực hành và sử dụng (<i>use –</i>	Kiểm tra và chữa bài tập về nhà	Kỹ năng trình bày Bài tập về nhà

<i>sử dụng</i>) kiến thức học được vào việc làm. (PLO35+ PLO36+PLO12+ PLO13+PLO24 +PLO27)	SV làm bài thực hành GV thuyết trình Thuyết trình nhóm Hỏi và trả lời GV sửa chữa, giải thích, đánh giá	Bài tập thực hành Thuyết trình nhóm Kiểm tra giữa kỳ Kiểm tra cuối kỳ
--	---	--

9. Tài liệu phục vụ môn học:

9.1. Tài liệu/giáo trình chính: *Практическая стилистика русского языка* (для студентов-иностранцев). Учебное пособие. Под ред. Лисаковой И.П. СПб. Изд. «Сударыня», 1996

9.2. Tài liệu tham khảo/bổ sung:

1. Голуб И.Б. *Упражнения по стилистике русского языка*: Учебное пособие. 3-е изд., испр. – М.: Рольф, 2001. 240 с. ISBN 5-7836-0359-7
2. Григорьева О.Н. *Стилистика русского языка*: Учебное пособие для иностранцев. – М.: НВИ-ТЕЗАУРУС, 2000. ISBN 5-89191-032-2
3. Куханович Г.А. *Русский язык и культура речи*: Задания ждя контрольных работ и методические рекомендации по их выполнения. –М.: МГАУ.
4. Рахманова Л.И., Суздальцева В.Н. *Современный русский язык. Лексика. Фразеология. Морфология*: Учебное пособие. – М.: Из-дво МГУ, Издательство «ЧеРо», 1997.– 480 с. ISBN 5-211-03552-6
5. Скаженик Е.Н. *Практикум по деловому общению*. Учебное пособие. Таганрог: Изд-во ТРТУ, 2005.

9.3. Trang Web/CDs tham khảo: grammar.ru

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Toàn khóa học	- Chuyên cần - Bài thực hành - Bài tập về nhà - Kiểm tra giữa kỳ Tổng cộng	10% 15% 25% 50% 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối khóa học	- Thuyết trình nhóm / tiểu luận - Thi cuối kỳ Tổng cộng	30% 70% 100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

10.1. Xếp loại đánh giá

- 5-6 điểm: Nắm được định nghĩa, khái niệm cơ bản.
- 7 điểm: Có khả năng nhận dạng các loại văn phong.
- 8 điểm: Có khả năng phân biệt các dạng chuẩn và ngoài chuẩn; đồng thời chọn lựa được phương án văn phong phù hợp.
- 9-10 điểm: Nắm vững lý thuyết về văn phong học – tu từ và áp dụng tốt vào các loại bài tập, và các tình huống thực tế.

- Ngoài ra, sinh viên có thể nhận được điểm thưởng (0,5 – 1 điểm) nếu làm bài tập về nhà đầy đủ và tham gia phát biểu có chất lượng tốt trên lớp.

10.2. Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm:

- Bài kiểm tra giữa kỳ thực hiện vào tuần thứ 4 của học phần với thời gian làm bài 60 phút, có tổng điểm 50, bao gồm các dạng bài tập dưới đây:
 - o Điền từ / cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu
 - o Chọn 1 trong 3 hay 4 phương án trả lời
 - o Điền dạng từ đúng vào chỗ trống trong bảng
 - o Cấu tạo dạng hay từ mới từ các từ cho trước
- Bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện vào tuần thứ 2 sau khi kết thúc học phần với thời gian làm bài 70 phút bao gồm các dạng bài tập dưới đây:
 - o Điền từ / cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu
 - o Chọn 1 trong 3 hay 4 phương án trả lời
 - o Điền dạng từ đúng vào chỗ trống trong bảng
 - o Cấu tạo dạng hay từ mới từ các từ cho trước
 - o Hoàn thành câu
 - o Xác định dạng văn phong

10.3. Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

- Bài kiểm tra giữa kỳ: chấm theo thang điểm 15 – 10 – 15 – 10.
- Bài kiểm tra cuối kỳ: chấm theo thang điểm 20 – 20 – 10 – 5 – 5 – 10.

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học. Trường hợp nghỉ hoặc vắng mặt phải có lý do chính đáng và phải có giấy tờ chứng minh.
- Sinh viên vắng mặt 1 buổi học không có lý do sẽ bị trừ 1 điểm và nếu vắng mặt quá 20% tổng số giờ học sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học.
- Sinh viên có trách nhiệm làm bài tập về nhà, đọc tài liệu chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp, tham gia phát biểu và làm bài thực hành trên lớp theo yêu cầu của giáo viên. Sinh viên bị mất 0,5 điểm cho mỗi lần không thực hiện yêu cầu này.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sau 30 phút bắt đầu giờ học, sinh viên sẽ bị trừ 0,5 điểm.
- Trong giờ học tuyệt đối không nói chuyện riêng, ăn và sử dụng điện thoại di động, máy nghe nhạc, máy tính xách tay, máy tính bảng ngoài mục đích học tập.

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM.

11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

Sinh viên có thể liên hệ để trao đổi các vấn đề liên quan đến bài học qua các hình thức sau: trực tiếp gặp mặt giáo viên phụ trách tại văn phòng khoa hoặc liên lạc qua địa chỉ e-mail, facebook, điện thoại.

12. Nội dung chi tiết môn học:

§1. Введение

§2. Русский язык с экспрессивно-стилистической точки зрения

§3. Лексика межстилевая (стилистически нейтральная)

§4. Лексика книжных стилей

1. Книжные слова
2. Официальные слова
3. Газетно-публицистические слова
4. Поэтические слова

§5. Лексика разговорного стиля

1. Разговорные слова
2. Просторечные слова

§6. Приметы стилистически окрашенных слов

1. Приметы лексики книжных стилей
2. Приметы лексики разговорного стиля

§7. Основные проблемы лексической стилистики

§8. Основные проблемы грамматической стилистики

§9. Основные проблемы синтаксической стилистики

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1	5	§1. Введение 1. Понятие о стиле, стилистике 2. Предмет и задачи стилистики 3. Русский литературный язык и нелитературные варианты языка §2. Русский язык с экспрессивно-стилистической точки зрения 1. Теория трех стилей. Высокий, средний и простой стили 2. Нормы литературного языка	- GV giới thiệu môn học, giải thích yêu cầu của môn học - GV thuyết trình chủ đề - SV nghe giảng - SV làm bài thực hành - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà	Куханович Г.А. <i>Русский язык и культура речи</i> . С. 3-10
2	5	§3. Лексика межстилевая (стилистически нейтральная) §4. Лексика книжных стилей 1. Книжные слова 2. Официальные слова 3. Газетно-публицистические слова 4. Поэтические слова	- GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - SV thảo luận nhóm - SV thuyết trình - GV tổng kết ý kiến, đánh	<i>Практическая стилистика русского языка</i> . С. 82-100

			giá - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà	
3	5	§5. Лексика разговорного стиля 1. Разговорные слова 2. Просторечные слова	- GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - SV thảo luận nhóm thuyết trình - GV tổng kết ý kiến, đánh giá - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà	<i>Практическая стилистика русского языка. С.18-28</i>
4	5	§6. Приметы стилистически окрашенных слов 1. Приметы лексики книжных стилей 2. Приметы лексики разговорного стиля	- GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà Kiểm tra giữa khóa	<i>Практическая стилистика русского языка. С.15-40</i>
5	5	§7. Основные проблемы лексической стилистики §8. Основные проблемы грамматической стилистики	- GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - SV thảo luận nhóm - GV tổng kết ý kiến, đánh giá thuyết trình - GV hướng dẫn làm bài tập về nhà	<i>Практическая стилистика русского языка. С. 41-54</i>
6	5	§9. Основные проблемы синтаксической стилистики	- GV kiểm tra và sửa bài tập về nhà - GV thuyết trình - SV nghe giảng - SV thực hành - SV thảo luận nhóm - SV thuyết trình - GV tổng kết ý kiến, đánh giá thuyết trình - GV tổng kết nội dung cơ bản của toàn bộ khóa học	<i>Практическая стилистика русского языка. С. 63-81</i>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 8 năm 2014

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Bùi Mỹ Hạnh

Bùi Mỹ Hạnh

Bùi Mỹ Hạnh